

Bản án số: 73/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 7 - 2026

V/v tranh chấp: ly hôn,
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thị Bích Vân và bà Nguyễn Thị Viên.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Trần Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 143/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Như N, sinh năm 1995; nơi đăng ký thường trú: tổ dân phố K, phường P, tỉnh Phú Thọ; nơi ở hiện tại: căn 608 CT1, chung cư T, phường H, thành phố Hà Nội; Căn cước công dân số: 026195003167, cấp ngày: 28/5/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an; vắng mặt lần thứ hai, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1993; nơi thường trú: tổ A, khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh; Căn cước công dân số: 022093000696, cấp ngày: 21/02/2020, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Như N và anh Nguyễn Tuấn A đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 01 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là phường P, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại nhà anh Tuấn A ở tổ A, khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Đến tháng 10 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, chị N về nhà bố mẹ đẻ ở phường P, tỉnh Phú Thọ sinh sống và ly thân anh Tuấn A từ đó cho đến nay. Quá trình chung

sống, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 18/6/2019, hiện đang sinh sống cùng chị N.

Quan điểm và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, khó khăn về kinh tế. Anh Tuấn A bỏ nhà đi và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Về con chung: tại Đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2026, chị N yêu cầu Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng. Tại Bản tự khai ngày 02/4/2026, chị thay đổi quan điểm, không yêu cầu anh Tuấn A1 phải cấp dưỡng nuôi con. Chị có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đảm bảo để nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị cho biết: hiện tại, anh Tuấn A1 vẫn đang sinh sống tại nơi cư trú, biết chị khởi kiện ra Tòa xin ly hôn, nhưng vẫn không đến Tòa án để làm việc.

Tại Biên bản xác minh ngày 13/5/2026 của Tòa án, ông Vũ Văn S - Khu T, phường H, tỉnh Quảng Ninh cho biết: hiện tại, anh Nguyễn Tuấn A vẫn đăng ký thường trú và sinh sống tại tổ A, khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Anh Tuấn A1 và chị N là vợ chồng, có 01 con chung, đã sinh sống cùng nhau tại nhà anh Tuấn A1 ở tổ A, khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh từ năm 2019. Năm 2020, do có mâu thuẫn, nên chị N đã chuyển đi nơi khác sinh sống và ly thân với anh Tuấn A1 từ đó cho đến nay, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chung ngày 26/6/2026 của Tòa án, cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh T có ý kiến: hiện tại cháu vẫn đang ở cùng với mẹ; nếu bố mẹ không chung sống cùng nhau nữa thì cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản thông báo, triệu tập cho anh Nguyễn Tuấn A để lấy lời khai, giải quyết vụ án, anh Tuấn A biết, nhưng vẫn không đến trụ sở Tòa án để làm việc.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

1) Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

2) Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự được đảm bảo thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, có mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo thực hiện đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Như N và anh Nguyễn Tuấn A có đủ điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo đề hòa giải đoàn tụ vợ chồng, bị đơn biết mà vẫn không đến trụ sở Tòa án để làm việc, điều đó thể hiện thái độ không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không tìm cách khắc phục mâu thuẫn, không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tình cảm vợ chồng, quan hệ hôn nhân có đạt được hay không phải xuất phát từ ý chí và nguyện vọng của cả hai bên, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng vợ chồng sống ly thân đã lâu, không thường xuyên quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nên hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: các đương sự có 01 con chung chưa thành niên, là con gái, hiện đang sinh sống, học tập ổn định cùng với mẹ. Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng và sự phát triển bình thường của con, nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] **Về án phí:** nguyên đơn tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm, phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung các năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024 và 2025; khoản 1 Điều 56, Điều 58, các khoản 1 và 2 Điều 81,

các điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và việc nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn - chị Nguyễn Như N.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Như N được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 18/6/2019 cho chị Nguyễn Như N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); anh Nguyễn Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Tuấn A có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Nguyễn Như N, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh Nguyễn Tuấn A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Như N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Tuấn A.

3. Về án phí: chị Nguyễn Như N tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001211 ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Q; chị Nguyễn Như N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDKV1-QN;
- UBND phường P, tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADSKV1-QN;
- VKSND T. Quảng Ninh;
- TAND T. Quảng Ninh;
- Lưu HS; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lâm